

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022 /HNGĐ-ST
Ngày 27/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thanh Huệ và bà Hồ Thị Thu Uyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lý, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 156/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐHPT-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T - sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn 07, xã Nam B, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – Có mặt tại phiên tòa;

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 07, xã Nam B, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:***

Năm 2012 chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 06/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Chính T (nay là xã Xuân C, huyện Kim S, tỉnh Ninh Bình). Việc hai bên chung sống và kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc gì. Hai bên chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 02 năm. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống. Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thể đoàn tụ, vì đã ly thân từ giữa năm 2015. Chị N đã bỏ đi từ năm 2016 đến nay, anh T đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có kết quả. Ngày 01/9/2021 TAND huyện Đắc Song đã mở phiên họp tuyên bố chị Nguyễn Thị N mất tích. Do vậy, anh Th đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị N.

Về con chung anh T và chị N có 01 con chung là Phạm Thiên B – sinh ngày 12/7/2014. Từ khi chị N bỏ đi mang theo con trai đến nay không biết ở đâu. Tại phiên tòa anh T thay đổi nội dung khởi kiện về con chung không yêu cầu Tòa án giải

quyết về con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Văn T xin nộp án phí theo quy định.

**** Chị Nguyễn Thị N vắng mặt.***

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng Thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận và công khai chứng cứ và Hòa giải số 150/2022/TB-TA ngày 21 tháng 7 năm 2022; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra, tiếp cận và công khai chứng cứ và Hòa giải số 159/2022/TB-TA ngày 08 tháng 8 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐHPT-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022 nhưng chị Nguyễn Thị N không có mặt tại Tòa án làm việc. Do đó, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Người tham gia tố tụng:***

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 68 của Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 BLTTDS 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T cho nguyên đơn được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Phạm Văn T nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn chị Nguyễn Thị N. Địa chỉ: Thôn 07, xã Nam B, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn anh Phạm Văn T xin ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 06/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Chính T (nay là xã Xuân C, huyện Kim S, tỉnh Ninh Bình). Trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp, thường xuyên cãi vã, bất đồng về quan điểm sống, đã ly thân từ giữa năm 2015. Chị N đã bỏ đi từ năm 2016 đến nay. Ngày 01/9/2021 TAND huyện Đắk Song đã mở phiên họp tuyên bố chị Nguyễn Thị N mất tích. Do đó, việc quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N không còn làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“ Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn:

1. Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn

.....”

Tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người mất tích bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”

Do mục đích hôn nhân của anh T và chị N không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 68 của Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chấp nhận cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2.2] *Về con chung:* Anh T và chị N có 01 con chung là Phạm Thiên B – sinh ngày 12/7/2014. Trong đơn khởi kiện anh T đề nghị giao con cho chị N nuôi dưỡng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án xác định từ khi chị N bỏ đi mang theo con trai đến nay không biết ở đâu. Tại phiên tòa anh T thay đổi nội dung khởi kiện về con

chung không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội anh Phạm Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 68 của Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Phạm Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền anh T đã nộp theo biên lai số 0001583 ngày 04/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- UBND xã Nam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm

